VP. UBND. HAI PHONG

UỶ BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

SỐ: 1693 / QĐ-GTCC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------***----------

Hải phòng, ngày 5 tháng 10 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Điều chỉnh mức thu cước qua phà, cầu phao, cầu treo trên địa bàn thành phố

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân;

- Căn cứ quyết định số 137/HĐBT ngày 27 tháng 4 năm 1992 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính Phủ) quy định về công tác quản lý giá.

- Theo đề nghị của Liên Sở Tài Chính Vật giá - Giao thông công chính số 228/TC-VG-GTCC ngày 14 tháng 9 năm 1998 V/v: Điều chỉnh mức thu cước qua phà, cầu phao, cầu treo trên địa bàn thành phố;

- Sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng nhân dân thành phố ngày 22 tháng 9 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I: Nay điều chỉnh mức thu cước qua phà, cầu phao, cầu treo do Công ty đường bộ Hải Phòng quản lý (có biểu cước cụ thể kèm theo)

ĐIỀU II: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 1998

ĐIỀU III: Các ngành Tài chính, Giao thông hướng dẫn Công ty đường bộ tổ chức tốt việc thu và quản lý sử dụng nguồn thu cước phà theo thông tư số 62/LBTC-GT ngày 23/7/1993

ĐIỀU IV: Các Ông (bà) Chánh văn phòng Uỷ ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở Tài Chính, Giao thông công chính, Giám đốc Công ty đường bộ Hải Phòng cùng các đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận
- *Bộ GTVT (để b/c)*
- *Cục đường bộ VN (để b/c)*
- *Ban VGCP (để b/c)*
- *TT TU, TT HĐND (để b/c)*
- *Như điều III*
- *PVP, CV: GT,TC,TH*
- *Lưu VP*

T/M UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
K/T Chủ tịch
PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Gia Phách

03

BẢNG PHỤ LỤC MỨC THU CƯỚC QUA PHÀ, CẦU PHAO, CẦU TREO

Ban hành kèm theo quyết định số 1693/QĐ-GTCC ngày 5/10/1998
của UBND thành phố Hải Phòng

TT	Đối tượng thu	Đ.V tính	Bến T.cựu, Qcao, Kiền Lại xuân, cầu Hàn Cầu K.an, Q.thanh	Bến Bính Bến Khuể
1	**Hành khách đi bộ**	đ/ng	500	600
2	**Hành khách đi bộ có quang gánh**	đ/ng	800	1000
3	**Hành khách đi xe đạp**	đ/ng	800	1000
4	**Hành khách đi xe máy**	đ/ng	2000	2500
5	**Xe thô sơ súc vật kéo**			
	- Có hàng	đ/xe	4500	5000
	- Không có hàng	đ/xe	3000	4000
6	**Xe người kéo**			
	- Có hàng	đ/xe	2500	4000
	- Không có hàng	đ/xe	1500	2000
	- Xe đạp thồ có hàng	đ/xe	2000	2500
7	**Xe xích lô**			
	- Có hàng	đ/xe	3000	3500
	- Không có hàng	đ/xe	2000	2500
8	**Xe lam**			
	- Chở khách	đ/xe	10000	12000
	- Chở hàng (tính theo cước hàng hoá từ 61 kg trở lên)	đ/xe		
9	**Xe ô tô con 4 chỗ ngồi**	đ/xe	8000	10000
10	**Xe ô tô chở khách**			
	- Xe 9 chỗ ngồi trở xuống	đ/xe	9000	11000
	- Xe trên 9 đến dưới 24 chỗ ngồi	đ/xe	12000	16000
	- Xe từ 24 đến cưới 32 chỗ ngồi	đ/xe	15000	20000
	- Xe từ 32 chỗ ngồi trở lên	đ/xe	25000	28000
11	**Xe tải các loại**			
a	*Xe từ 1 tấn trở lại*			
	- Có hàng	đ/xe	12000	14000
	- Không có hàng	đ/xe	8000	10000
b	*Xe từ 1 đến dưới 3 tấn*			
	- Có hàng	đ/xe	25000	30000
	- Không có hàng	đ/xe	12000	16000
c	*Xe từ 3 đến dưới 5 tấn*			
	- Có hàng	đ/xe	30000	40000
	- Không có hàng	đ/xe	15000	23000

08

TT	Đối tượng thu	Đ.V tính	Bến T.cựu,Qcao,Kiền Lại xuân, cầu Hàn Cầu K.an,Q.thanh	Bến Bính Bến Khuể
d	*Xe từ 5T đến dưới 10T*			
	- Có hàng	đ/xe	45000	60000
	- Không có hàng	đ/xe	21000	30000
e	*Xe từ 10T đến dưới 15T*			
	- Có hàng	đ/xe	88000	100000
	- Không có hàng	đ/xe	40000	46000
f	*Xe siêu trường,siêu trọng*			
	Xe MAZ sơmi			
	- Có hàng	đ/xe	145000	150000
	- Không có hàng	đ/xe	50000	60000
	Xe KAMAZ sơ mi			
	- Có hàng	đ/xe	140000	145000
	- Không có hàng	đ/xe	50000	55000
	XE KAMAZ, MAZ các loại xe			
	chở container			
	- Loại sơ mi rơmoóc dài 6m	đ/xe	155000	170000
	- Loại sơ mi rơmoóc dài trên 6m	đ/xe	180000	190000
	Xe moóc các loại			
	- 2 bánh lốp	đ/xe	8000	11000
	- 4 bánh lốp	đ/xe	11000	14000
12	**Súc vật :Trâu,bò ngựa**	đ/xe	2000	2500
13	**Hàng hoá qua phà từ 61 kg trở lên**	đ/tạ	1000	1500

Ghi chú:

- Đối tượng được miễn cước (Theo Thông tư 62/TT-LB ngày 23/7/1993 của Liên Bộ tài chính GTVT)

1. Thương bệnh binh, học sinh, trẻ em dưới 10 tuổi
2. Công an, quân đội
3. Xe làm nhiệm vụ cứu thương, cứu hoả, chống bão lụt, xe dọn vệ sinh
4. Xe của quân đội , công an (Trừ các lực lượng vũ trang đi làm kinh tế)

- Khi qua phà, cầu phao, cầu treo đối tượng được miễn thu cước qua phà, cầu yêu cầu phải xuất trình các giấy tờ cần thiết cho nhân viên kiểm soát.
- Không thu cước khách trên xe ô tô con 9 chỗ ngồi trở xuống của các cơ quan Nhà nước